

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AYUN PA
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/DS-ST

Ngày 24 - 5 - 2024

"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ksor H'Đuen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Huy Tuấn.

2. Bà Phan Thị Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay Ha -Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2023/TLST-DS, ngày 11 tháng 10 năm 2023, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXX-ST, ngày 11 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-DS ngày 09/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Địa chỉ trụ sở: T, A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch HĐQT

Người được ủy quyền: Ông Huỳnh Quang H – Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh P, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: B N, phường P, TP P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trịnh Phước L – Giám đốc Phòng Giao dịch thị xã A.

Địa chỉ: I T, phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Ông Mai Ngọc H1, sinh năm 1970 và bà Võ Thị Xuân H2, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Ông L, ông H1 có mặt, bà H2 vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 15/9/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Trịnh Phước L người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:*

Ngày 11/01/2023, vợ chồng ông Mai Ngọc H1, bà Võ Thị Xuân H2 và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - chi nhánh P, tỉnh Gia Lai có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2023/15746986/HĐTD với nội dung: Ông H1, bà H2 vay vốn Ngân hàng số tiền 1.300.000.000 đồng, thời hạn vay: 11 tháng; mục đích sử dụng vốn vay: trồng và chăm sóc mía; lãi suất theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng là lãi trong hạn 11,5%/năm và được điều chỉnh theo quý, lãi suất quá hạn là 150%, lãi vay được bên vay trả vào ngày 20 hàng tháng.

Để đảm bảo khoản vay trên, bà H2 và ông H1 có thể chấp tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2021/15746986/HĐBĐ ngày 04/8/2021 được chứng thực ngày 04/8/2021 tại Văn phòng C tỉnh Gia Lai và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh G, chi nhánh huyện K. Tài sản thế chấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CU 880214, số vào sổ cấp GCN: CS04763 do Sở T1 cấp ngày 26/6/2020. Thửa đất: 248, tờ bản đồ số 20C, diện tích 215m². Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, Gia Lai.

Đến kỳ hạn trả lãi ngày 20/01/2023, bên vay đã không thực hiện nghĩa vụ trả lãi, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông H1, bà H2 để đôn đốc, nhắc nhở và trao đổi trực tiếp với bên vay để thương lượng việc trả nợ nhưng không đạt kết quả.

Nay Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông H1, bà H2 phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, gồm: tiền gốc 1.300.000.000 đồng và toàn bộ tiền lãi, lãi phạt và phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đến khi bên vay trả nợ xong toàn bộ nghĩa vụ.

Tính đến ngày 24/5/2024 tổng nợ gốc và lãi phải trả 1.535.847.098 đồng; trong đó nợ gốc là 1.300.000.000 đồng; lãi trong hạn là 36.863.014 đồng, lãi quá hạn là 155.380.425 đồng, phí phạt quá hạn là 43.603.659 đồng. Yêu cầu ông H1, bà H2 trả toàn bộ số tiền trên và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - chi nhánh P1

Trong trường hợp ông H1, bà H2 không thanh toán toàn bộ số nợ gốc, lãi và các chi phí khác như đã nêu trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý, phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp như đã nêu trên để thu hồi nợ.

** Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn ông Mai Ngọc H1 trình bày: Ông Mai Ngọc H1 thừa nhận vợ chồng có vay Ngân hàng số tiền 1.300.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết và có thể chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CU 880214, số vào sổ cấp GCN: CS04763 do Sở T1 cấp ngày 26/6/2020. Thửa đất: 248, tờ bản đồ số 20C, diện tích 215m². Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, Gia Lai. Sau khi vay kinh tế gia đình ông gặp nhiều khó khăn, vợ ông là bà Võ Thị Xuân H2 bị bệnh và phải nằm viện thời gian dài, hiện nay sức khỏe bà H2 vẫn chưa ổn định nên không thể đến tham*

gia phiên tòa, do gặp khó khăn nên từ khi vay đến nay vợ chồng ông chưa trả được khoản tiền lãi nào cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện buộc vợ chồng ông phải trả tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi là 1.535.847.098 đồng và ngoài ra phải chịu chi phí xem xét thẩm định là 2000.000 đồng là đúng, do điều kiện khó khăn nên ông đề nghị Ngân hàng tiếp tục tạo điều kiện cho vợ chồng ông thời gian khoảng 45 ngày để thu xếp trả nợ.

* *Đối với bị đơn bà Võ Thị Xuân H2*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn bà H2 vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên họp. Nên Tòa án tiến hành các thủ tục tổng đạt theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn bà H2 vắng mặt lần thứ hai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến*:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa được thực hiện và đầy đủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Mai Ngọc H1 và bà Võ Thị Xuân H2 phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 1.300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 91, 96 và 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 275, 280, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 90, 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc ông Mai Ngọc H1 và bà Võ Thị Xuân H2 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ chi nhánh P, tổng số tiền 1.535.847.098 đồng; trong đó nợ gốc là 1.300.000.000 đồng; lãi trong hạn là 36.863.014 đồng, lãi quá hạn là 155.380.425 đồng, phí phạt quá hạn là 43.603.659 đồng. Bị đơn còn phải thanh toán cho Ngân hàng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản là 2000.000 đồng. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng TMCP Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai giải quyết Tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bị đơn ông Mai Ngọc H1 và bà Võ Thị Xuân H2 được ký kết và thực hiện tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh P – Phòng giao dịch thị xã A, địa chỉ: I T, phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

Tại phiên tòa bị đơn bà H2 vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà H2 là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng tín dụng số 01/2023/15746986/HĐTD ngày 11/01/2023 với nội dung: Ông H1, bà H2 vay Ngân hàng số tiền 1.300.000.000 đồng, thời hạn vay: 11 tháng; mục đích sử dụng vốn vay: trồng và chăm sóc mía; lãi suất theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng lãi vay trong hạn là 11,5%/năm và có sự điều chỉnh theo quý, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi vay được bên vay trả vào ngày 20 hàng tháng.

Ngân hàng đã giải ngân tiền vay cho ông H1, bà H2 theo đúng thỏa thuận là 1.300.000.000 đồng. Từ ngày 20/01/2023 cho đến nay, bị đơn ông H1, bà H2 không thanh toán lãi và gốc theo như thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ lãi và nợ gốc nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ khoản nợ trên sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và thông báo chuyển nợ quá hạn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông H1, bà H2 không thanh toán nợ. Như vậy, ông H1, bà H2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự.

Tính đến ngày 24/5/2024 tổng nợ gốc và lãi phải trả là 1.535.847.098 đồng; trong đó nợ gốc là 1.300.000.000 đồng; lãi trong hạn là 36.863.014 đồng, lãi quá hạn là 155.380.425 đồng, phí phạt quá hạn là 43.603.659 đồng. Chi phí xem xét thẩm định là 2000.000 đồng.

Lãi suất được tính theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng.

Do vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông H1, bà H2 phải trả cho nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ thông qua Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh P tiền gốc và lãi tính đến ngày 24/5/2024 tổng cộng là 1.535.847.098 đồng; trong đó nợ gốc là 1.300.000.000 đồng; lãi trong hạn là 36.863.014 đồng, lãi quá hạn là 155.380.425 đồng, phí phạt quá hạn là 43.603.659 đồng.

[3]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn:

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2021/15746986/HĐBĐ ngày 04/8/2021. Để bảo đảm cho khoản vay trên ông H1, bà H2 đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh P tài sản cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CU 880214, sổ vào sổ cấp

GCN: CS04763 do Sở T1 cấp ngày 26/6/2020. Thửa đất: 248, tờ bản đồ số 20C, diện tích 215m². Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Qua buổi xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 01/4/2024, Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa xác định như sau:

Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ thì Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 20C, tại địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 880214, sổ vào sổ cấp GCN: CS04763 do Sở T1 cấp ngày 26/6/2020. Tài sản trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4, mái tôn, khung cửa gỗ, tường xi măng, nền lát gạch men. Hiện đất không có tranh chấp với bất kỳ ai.

Xét thấy, hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định tại các Điều 292, 293, 295, 298, 317, 318 và Điều 319 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật.

Bên thế chấp dùng tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ gốc, lãi và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác. Theo quy định tại khoản 6 Điều 320 và khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Dân sự thì trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên thế chấp phải giao tài sản thế chấp để xử lý. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại hợp đồng tín dụng trên để thu hồi nợ khi ông H1, bà H2 không trả hết nợ cho Ngân hàng là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[4]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, bị đơn là ông H1, bà H2 phải chịu chi phí này. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí này nên cần buộc ông H1, bà H2 có nghĩa vụ thanh toán lại 2.000.000 đồng cho nguyên đơn là phù hợp với Điều 155, 156, 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 1 Điều 40, Điều 144, Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các Điều 90, 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn là ông Mai Ngọc H1 và bà Võ Thị Xuân H2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh P số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 24/5/2024 tổng cộng là **1.535.847.098** đồng; trong đó nợ gốc là 1.300.000.000 đồng; lãi trong hạn là 36.863.014 đồng, lãi quá hạn là 155.380.425 đồng, phí phạt quá hạn là 43.603.659 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp bị đơn ông H1, bà H2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ gốc và lãi cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý, phát mãi tài sản thế chấp mà bị đơn là ông H1, bà H2 đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2021/15746986/HĐBĐ ngày 04/8/2021, đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 248, tờ bản đồ số 20C, diện tích 215m² tại địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 880214, sổ vào sổ cấp GCN: CS04763 do Sở T1 cấp ngày 26/6/2020, đã được các bên ký kết, để thu hồi nợ.

3. Về án phí:

Buộc bị đơn là ông H1, bà H2 phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là **58.075.000** đồng để sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ-Chi nhánh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.763.801 đồng theo biên lai thu tiền số 0002195 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bị đơn là ông H1, bà H2 có nghĩa vụ thanh toán lại chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là **2.000.000** đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh P1

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn ông H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà H2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ayun Pa;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS thị xã Ayun Pa;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ksor H'Đuen